

Số: 93/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Nghị quyết 517//NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28 tháng 5 năm 2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-BKTNS ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế -

Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 là 66.419 triệu đồng. Trong đó, vốn ngân sách Trung ương 57.756 triệu đồng; vốn ngân sách địa phương 8.663 triệu đồng (*Kèm theo phụ lục*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 15 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký. *Kiểm*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

Phụ lục
KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số **13**/NQ-HĐND ngày **15/8/2022**
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quy mô (Dài x rộng)	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Dự kiến vốn bố trí trong kỳ kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Đơn vị quản lý vốn
						Vốn NSNN (TW, TỈNH)	Tổng vốn dự kiến	Vốn TW	Vốn tỉnh đối ứng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG									
A	Huyện Hòn Đất				66,419	66,419	66,419	57,756	8,663	
I	Xã Thổ Sơn				22,139	22,139	22,139	19,252	2,887	
1	Mở rộng đường bê tông từ quán Quê Hương đi giáp cầu, nhà ông Danh Thượng (mở rộng 1m)	1500m x 1m	Áp Hòn Quéo	Năm 2022	750	750	750	750		
2	Làm đường vào Trường THCS Thổ Sơn kết nối Mẫu Giáo (điểm lè Bến Đá)	200m x 3m	Áp Bến Đá		258	258	258	258		
3	San lấp và tráng sân nhà văn hoá ấp Vạn Thanh	30m x 35m	Áp Vạn Thanh		700	700	700	700		
4	Làm mới đường ống dẫn nước sạch từ nhà ông Tư Nghệ đến nhà ông Lê Mỹ Đơ	1200m	Áp Hòn Đất		800	800	800	800		
5	Làm đường Bờ Bắc kênh Thủy Lợi (điểm đầu kênh 9, điểm cuối kênh 500)	500m x 3m	Áp Vạn Thanh		600	600	600	600		
6	Làm đường tổ 10 ấp Hòn Sóc (điểm đầu đường quanh núi Hòn Sóc, điểm cuối nhà bà Quanh)	250m x 3m	Áp Hòn Sóc		300	300	300	300		
7	Làm đường xuống cầu kênh Bến Đất đoạn từ tỉnh lộ 996B đến kênh Bến Đất	480m x 2m	Áp Hòn Đất		560	560	560	560		



STT	Tên dự án	Quy mô (Dài x rộng)	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Dự kiến vốn bố trí trong kỳ kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Đơn vị quản lý vốn
						Vốn NSNN (TW, TỈNH)	Tổng vốn dự kiến	Vốn TW	Vốn tỉnh đối ứng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Làm mới tuyến đường nước sạch (phía trên núi) từ đình nguyên trung Trực đến xóm mũi bãi tre	1500m	Áp Hòn Đất		1,000	1,000	1,000	1,000		UBND huyện Hòn Đất
9	Làm đường nước sạch từ mộ chị Sứ đến nhà ông Nghệ (phía trên núi)	1200m	Áp Hòn Đất		950	950	950	950		
10	Mở rộng (1m) đường bờ đông kênh Hòn Me (điểm đầu; cầu Hòn Me; điểm cuối cống kênh cây Me)	400m x 1m	Áp Hòn Me		200	200	200	200		
11	Làm mới sân nhà văn hóa ấp Bến Đá	50m x 20m	Áp Bến Đá		250	250	250	250		
12	Cầu kênh xóm Chùm Pa Lừa	15m x 3m	Áp Vạn Thanh		955	955	955		955	
13	Xây Cầu kênh Xạ Kích	15m x 3m	Áp Vạn Thanh		800	800	800	800		
14	Xây dựng mới bờ nam kênh Hòn Me, ấp Hòn Me đoạn từ cống kênh cây me đến đất ông thầy Thụy	945m x 3m	Áp Hòn Me	Năm 2023	1,100	1,100	1,100	1,100		
15	Làm mới sân và rãnh thoát nước nhà văn hóa xã	40m x 12m	Áp Hòn Quéo		632	632	632	632		
16	Làm đường bê tông đoạn từ nhà ông Danh Lờ đến nhà ông Lê Vững Bền	300m x 3m	Áp Hòn Me		300	300	300	300		
17	Đường bờ nam kênh Hòn quéo (cũ)	700m x 3m	Áp Hòn Quéo		1,000	1,000	1,000	1,000		
18	Xây dựng mới đường bờ nam kênh thủy lợi ấp Hòn Me đoạn từ đất thầy Thụy đến cầu kênh Bến Đất	945m x 3m	Áp Hòn Me		1,000	1,000	1,000	1,000		
19	Xây dựng mới bờ nam kênh thủy lợi ấp Vạn Thanh đoạn từ kênh, cống Bến Đất đến đường kênh 9 Vạn Thanh	2000m x 3m	Áp Vạn Thanh		1,150	1,150	1,150	1,150		
20	Cầu kênh Bến Đất	20m x 3m	Áp Hòn Me		900	900	900		900	
21	Mở rộng đường từ nhà ông Danh Thượng đến giáp ranh Linh Huỳnh (mở rộng 1m)	1400m x 1m	Áp Hòn Quéo		712	712	712	712		



STT	Tên dự án	Quy mô (Dài x rộng)	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Dự kiến vốn bố trí trong kỳ kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Đơn vị quản lý vốn
						Vốn NSNN (TW, TỈNH)	Tổng vốn dự kiến	Vốn TW	Vốn tỉnh đối ứng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
22	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở ấp Hòn Quéo	50m x 15m	Ấp Hòn Quéo	Năm 2024	500	500	500	500		
23	Làm đường xóm Chùm Pa Lư (điểm đầu) nhà đại lý phân bón Oanh Na; điểm cuối nhà ông Danh Thiệt	350m x 3m	Ấp Vạn Thanh		450	450	450	450		
24	Làm đường tổ 12 ấp Hòn Sóc (điểm đầu lộ quanh núi Hòn Sóc điểm cuối là nhà của ông Danh Hiền)	250m x 3m	Ấp Hòn Sóc		350	350	350	350		
25	Làm đường bờ nam kênh 3	1000m x 3m	Ấp Bến Đá		1,390	1,390	1,390	1,390		
26	Xây dựng mới đường kênh chợ Hòn Sóc	350m x 3m	Ấp Hòn Sóc		516	516	516		516	
27	Làm đường bờ kênh 9 Vạn Thanh (điểm đầu là kênh Tà Keo điểm cuối là ranh Sơn Bình)	2600m x 3m	Ấp Vạn Thanh	Năm 2025	2,600	2,600	2,600	2,600		
28	Làm đường nước sạch xóm trùm Pha Lư	350m	Ấp Vạn Thanh		400	400	400	400		
29	Làm đường nước sạch từ nhà ông Phấn đến ranh rừng phòng hộ	400m	Ấp Hòn Đất		500	500	500	500		
30	Tiếp tục xây dựng nối tiếp đường kênh chợ Hòn Sóc	350m x 3m	Ấp Hòn Sóc		516	516	516		516	
B	Huyện U Minh Thượng				44,280	44,280	44,280	38,504	5,776	
I	Xã An Minh Bắc				22,140	22,140	22,140	19,252	2,888	
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch xây dựng									
1	Đường kênh 2 (Bờ nam)	3300 x 3,5	ấp Trung Đoàn	2022	6,119	6,119	6,119	5,307	812	UBND huyện U Minh Thượng
2	Đường kênh 16 (Bờ Bắc)	3500 x 3,5	ấp Minh Hưng	2022	6,514	6,514	6,514	5,697	817	
3	Đường kênh 17 A (Bờ Nam)	1800 x 3,5	ấp An Hưng	2023	3,776	3,776	3,776	3,270	506	
4	Đường kênh 3	3000 x 3,5	ấp Công Sự	2024	5,731	5,731	5,731	4,978	753	
II	Xã Minh Thuận				22,140	22,140	22,140	19,252	2,888	
1	Cầu + Đường Kênh 12 (05 Cây cầu)	3.800 x 3,0	ấp Minh Thành A	2022	8,463	8,463	8,463	7,338	1,125	
2	Đường Kênh 6 B	2.100 x 2,5	ấp Kênh Sáu	2023	3,832	3,832	3,832	3,442	390	

STT	Tên dự án	Quy mô (Dài x rộng)	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Trong đó	Dự kiến vốn bố trí trong kỳ kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Đơn vị quản lý vốn
							Vốn NSNN (TW, TỈNH)	Tổng vốn dự kiến	Vốn TW	Vốn tỉnh đối ứng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Đường kênh Kiểm Lâm	5.600 x 3.5	ấp Minh Tân	2024	9,845	9,845	9,845	8,472	1,373	